

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 04-4-2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trang Văn Hận

2. Ông Nguyễn Hoàng Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sốc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp A, xã V, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã V, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn C cưới nhau vào năm 1988 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V năm 1992, hôn nhân có tìm hiểu trước. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc, vì ông C thường xuyên uống rượu, những khi say xỉn ông dùng

những lời lẽ thô tục mắng chửi và có khi đánh bà, nhưng vì con bà cố gắng nhẫn nhịn để gia đình êm ấm. Qua thời gian các con bà đã trưởng thành, ông C vẫn không sửa đổi tính xấu, nên cách đây 4 năm thì bà và ông C ly thân, bà về nhà chị ruột ở, còn ông C thì sống tại nhà của vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không duy trì được, nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C.

- Về con chung: Bà và ông C chung sống có 02 đứa con, tên Nguyễn X, sinh năm 1986 và Nguyễn Văn E, sinh năm 1993. Do các con của bà đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà trình bày giữa bà với ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà trình bày, bà và ông C chung sống không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn C đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng có tình vắng mặt và cũng không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trưng tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện ly hôn và bị đơn ông Nguyễn C hiện cư trú tại ấp V, xã V, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với ông Nguyễn C, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thì bà N và ông C cưới nhau vào năm 1988 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V năm 1992. Cuộc hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân ông C thường xuyên say rượu và có hành vi đánh, chửi bà. Nhưng vì nghĩ cho gia đình bà N nhẫn nhịn, chịu đựng để gia đình có cuộc sống

êm ấm và cũng như để cho ông C nhận thấy được khuyên điểm mà tự sửa đổi. Nhưng bản thân ông không nhìn nhận được hành động của mình là sai để khắc phục, chính vì điều đó bà N đã ly thân ông C, khoảng thời gian 04 năm ly thân cả hai cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân xã V đã cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân của bà N và ông C cũng khẳng định cuộc sống hôn nhân của ông, bà đúng như lời bà N trình bày. Riêng ông C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến và gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu của bà N, điều này thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Xét thấy, tình cảm giữa ông, bà không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là hoàn toàn phù hợp với quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà N và ông C chung sống có 02 con, tên Nguyễn Văn Chuột, sinh năm 1986 và Nguyễn Văn Giang Em, sinh năm 1993. Do các người con của ông, bà đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà N trình bày, bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N trình bày, bà và ông C chung sống không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 9, 19, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn C;

- Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0006786 ngày 08/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, bà N đã nộp xong.
- Ông Nguyễn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51,53,56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N. Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số 0006786 ngày 08/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, bà N đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/4/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. H;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Thống